

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/DS-PT

Ngày: 03-8-2018

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Thanh Chín.

Các Thẩm phán: Ông Bích Văn Nhiên;

Bà Lê Thị Thanh Thái.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Thúy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2018/QĐ-PT ngày 18/6/2018; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 81/2018/QĐ-PT ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

- + Ông Nguyễn V, sinh năm 1963
- + Bà Phạm Thị H, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Tổ 2, Thôn 1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:*

- + Ông Nguyễn B, sinh năm 1966
- + Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972
- + Ông Nguyễn T, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Tổ 2, Thôn 1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn B, Nguyễn Thị D, Nguyễn T:
Ông Lê HK- Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn 4, xã ĐC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận- Là đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền ngày 07/8/2017.

+ Ông Nguyễn V1, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 72 M X T, Khối 13, thị trấn P A, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn V1: Ông Lê HK- Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn 4, xã ĐC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận- Là đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền ngày 17/7/2018.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn T Đ, sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ 1, Thôn 1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Lê Thị T1, sinh năm 1968

+ Ông Nguyễn V2, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Tổ 2, Thôn 1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Huỳnh L, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn 6, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

+ Ông Huỳnh M, sinh năm 1971

+ Bà Hồ Thị L1, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Tổ 4, Thôn 1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Do có kháng cáo của ông Nguyễn B, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D.

Có mặt: Ông Nguyễn V, bà Phạm Thị H, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn T, ông Lê HK, ông Nguyễn V1, bà Nguyễn T Đ, bà Lê Thị T1, ông Nguyễn V2.

Vắng mặt ông Huỳnh L, ông Huỳnh M, bà Hồ Thị L1.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2015, các bản khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H trình bày: Cụ Nguyễn G, sinh năm 1925 và cụ Nguyễn Thị P, sinh năm 1930 là vợ chồng, có chung với nhau tất cả 08 người con: Người con đầu tên là B đã chết lúc còn nhỏ; Nguyễn T Đ, sinh 1956; Nguyễn V, sinh 1963; Nguyễn B, sinh 1966; Nguyễn V1, sinh 1969; Nguyễn Thị H1 (chết lúc còn nhỏ); Nguyễn Thị D, sinh 1972 và Nguyễn T, sinh 1976.

Khi cụ G và cụ P còn sống có tạo lập được một số tài sản chung gồm: Đất vườn, nhà ở và đất ruộng. Trong quá trình chung sống cụ G và cụ P đã tặng cho và chuyển nhượng đi một số diện tích đất vườn và đất ruộng. Hiện chỉ còn lại: Một thửa đất vườn số 129, tờ bản đồ 01, diện tích 964m² (đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn V2 và bà Lê Thị T1 91,4m², nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật), Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số D 0702783; 01 căn nhà xây cấp 4C nằm trên thửa đất 129; 01 thửa đất ruộng số 45, tờ bản đồ 02, diện tích 3.700m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 833801, đều mang tên cụ Nguyễn G.

Ngày 22/3/2004 cụ P chết, không có di chúc. Ngày 13/10/2007 (nhằm ngày 03/9/2007 âm lịch) cụ G chết, có để lại di chúc với nội dung: Vợ chồng cụ G và cụ P khi còn sống có tạo lập được 01 số tài sản nhưng đã chuyển nhượng chỉ còn lại: Một thửa đất vườn số 129, tờ bản đồ 01, diện tích 964m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0702783; 01 căn nhà xây cấp 4C nằm trên thửa đất 129; 01 thửa đất ruộng số 45, tờ bản đồ 02, diện tích 3.700m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất U 833801. Nay cụ G để lại ½ tài sản của cụ nêu trên cùng với di sản mà cụ G được thừa kế từ cụ P cho ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H được quyền sở hữu, sử dụng.

Sau khi cụ G chết, ông V, bà H đã bán thửa ruộng số 45 cho ông L, ông M được 48.000.000đồng để trả nợ cho cụ G lúc còn sống hết 20.000.000đồng, số tiền còn lại mua trâu về nuôi.

Ông V đã nhiều lần yêu cầu các em của ông ký giấy để ông làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất mà ông được thừa kế từ cụ G, nhưng các em của ông V không đồng ý, với lý do ông V không có con nên không để cho ông V được đứng tên quyền sử dụng đất của cha, mẹ.

Ông V và bà H yêu cầu được hưởng tài sản theo di chúc của cụ G. Ông V yêu cầu được hưởng phần di sản do cụ P chết để lại theo pháp luật.

Bà H trình bày: Khi cụ G chết, bà là người đi khai tử. Tuy nhiên khi khai ngày, tháng chết của cụ G thì bà khai ngày âm lịch, tức là ngày 03/9/2007 (âm lịch) nhằm ngày 13/10/2007 (dương lịch). Việc này đã được đính chính ở phần sau giấy khai tử của cụ G.

Chúng cứ do ông V, bà H cung cấp: Bản di chúc do cụ G lập và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã NC, huyện Đức Linh chứng thực vào ngày 10/9/2007; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0702783, giấy chứng tử của cụ G, cụ Phương, cùng 01 số tài liệu, chứng cứ khác.

Bị đơn: ông Nguyễn B, ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T trình bày: Cha, mẹ của các ông, bà là Nguyễn G và Nguyễn Thị P. Khi cụ G, cụ P vào Đức Linh sinh sống có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Tấn 01 lô đất ở diện tích khoảng 4.000m², được Nhà nước cấp cho 01 số diện tích đất ruộng. Sau này cắt cho ông Nguyễn Hữu Tiễn 01 lô vườn ở góc phía sau. Khi ông B có vợ và ra riêng, cha, mẹ có cắt phần đất vườn phía sau còn lại khoảng 1.000m², giáp đất cho ông Tiễn để ông B làm nhà ở cho đến nay; đồng thời cắt cho ông B một số đất ruộng.

Khi ông T ra ở riêng, cha, mẹ cũng cắt cho ông T đất vườn 8m chiều ngang theo mặt tiền, trên đất có căn nhà của cha, mẹ và 6.000m² đất ruộng. Bà D thì cha, mẹ có cho khoảng 2.000m² đất ruộng, ông V1 khi lấy vợ, cha, mẹ cho 01 lô đất vườn và 3.000m² đất ruộng. Đến khi chuyển đến Đăk Lăk sinh sống ông V1 bán 3.000m² đất ruộng, còn đất vườn trả lại cho cha, mẹ. Ngoài ra cha,

mẹ còn chuyển nhượng cho ông Tấn, bà Thủy và ông V2 một số diện tích đất vườn; chuyển nhượng một số đất ruộng cho người khác. Nay T sản của cụ G, cụ P còn lại theo như lời ông V khai là đúng. Các ông bà cho rằng cụ P chết năm 2006, còn cụ G chết năm 2007. Di chúc của cụ G để lại thì các ông, bà không đồng ý. Vì trước khi chết cụ G lâm bệnh nặng nên không thể làm di chúc được. Nay các đồng bị đơn yêu cầu chia tài sản do cụ G và cụ P để lại như sau: Diện tích đất vườn còn lại 10m chiều ngang thì phá bỏ căn nhà để chia đôi cho ông V 5m, ông V1 5m, nếu ông V không đồng ý thì chia theo pháp luật.

Ngoài ra tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn còn có yêu cầu như sau:

- Ông B có yêu cầu: Anh, em giải quyết sao ông cũng đồng ý, nếu không được thì tài sản của cha, mẹ chia theo pháp luật.

- Bà D có yêu cầu: Theo bà thì đất vườn còn lại 10,5m chiều ngang thì chia đôi cho anh V1 5m, còn lại giao cho anh V 5,5m, nhà và ruộng. Nếu không đồng ý thì chia theo pháp luật.

- Ông T có yêu cầu: Chia cho ông V phần đất có căn nhà, phần đất còn lại thì giao cho anh V1, nhưng chia sát căn nhà, thì phần đất phía sau sẽ được 5m chiều ngang.

- Ông V1 có yêu cầu: Nhà, đất cha, mẹ để lại cứ để cho ông V ở đến cuối đời rồi anh, em sẽ tính sau, chứ không cần phải chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn T Đ: Cha mẹ của bà là cụ Nguyễn G cụ Nguyễn Thị P đi di dân tự do vào Đức Linh vào khoảng năm 1963 và có sang nhượng lại của ông Phạm Tấn khoảng 4 sào đất (4.000 m²) ở NC và làm nhà ở cho đến chết. Trong quá trình sinh sống cha, mẹ có cho ông Nguyễn Hữu Tiến khoảng 01 sào đất ở góc phía sau vườn. Khi em trai Nguyễn B có vợ cha, mẹ có cắt cho B 01 phần đất phía sau giáp đất đã cho ông Tiến. Phần đất phía trước chuyển nhượng cho ông Nguyễn V2 và bà Lê Thị T1 diện tích chiều ngang 4m về phía bên trái căn nhà và chiều dài hơn 20m (nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng). Năm 2002 cha, mẹ chuyển nhượng cho bà Nga 8m chiều ngang, chuyển nhượng cho bà Thủy và ông Sự 12m chiều ngang và cho thêm 0,3m chiều ngang. Phần đất còn lại khoảng 18m chiều ngang. Khi còn sống, cụ G có ý định chia cho 03 người con trai chưa có đất ở: Nguyễn V, Nguyễn V1 và Nguyễn T, mỗi người 6m chiều ngang, nhưng khi gọi thì V1 không về, nên không thực hiện việc cho đất được. Còn T cha, mẹ chỉ cho 6m chiều ngang, nhưng khi đi làm thủ tục thì T lại làm thủ tục tặng cho 8m chiều ngang. Nay phần đất của cha, mẹ còn lại khoảng 10m chiều ngang.

Việc cụ G, cụ P bán đất là để lo trả nợ đã vay khi cưới vợ, gã chồng cho các con và chữa bệnh.

Tài sản của cụ G và cụ P sau khi chết để lại là: Thửa đất và căn nhà tại Thôn 1, xã NC; 01 thửa ruộng ở Đồng Đé, xã NC, V đã bán cho người khác.

Bà Đ đồng ý di chúc do cụ G để lại T sản cho vợ chồng ông V. Bởi vì ông V là người con cực khổ nhất trong gia đình, ở chung và lo cho cha, mẹ; đến khi cha, mẹ già yếu V mới lấy vợ và ở cùng với cha. Nên V là người bị thiệt thòi nhất trong gia đình. Còn V1 sau khi lấy vợ về cha mẹ cũng cho đất và 01 căn nhà nhỏ để ở, nhưng sau này V1 bán để lên Đắc Lắc sinh sống. T thì cha, mẹ đã cho đất có 01 căn nhà hiện T đang ở và đất ruộng. Ngoài ra khi cụ G còn sống cũng đã nói chuyện về việc cho đất vườn để V sử dụng, chứ đứa con nào cũng được cha, mẹ cho đất, riêng V cực khổ nhất, sống cùng cha, mẹ nhưng chưa được cha, mẹ cho tài sản gì.

Bà Đ được có yêu cầu như sau: Phần tài sản do cha mẹ để lại thì chia cho V1 4m đất chiều ngang, phần còn lại chia cho V. Nếu không đồng ý thì tài sản của cụ G chia cho V theo di chúc; phần tài sản của cụ P thì chia theo pháp luật.

- Bà Lê Thị T1 đồng thời là người đại diện cho ông Nguyễn V2: Năm 2001 ông V2 và bà T1 có nhận chuyển nhượng của cụ G và cụ P phần đất bị xéo ở góc phía trước, với chiều ngang phía trước là 4m, chiều ngang phía sau là 3m và chiều dài là 20m, tính từ ngang vách nhà trên của cụ G vào, nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng. Vì lúc này cụ G, cụ P đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng. Nay bà T1 và ông V2 yêu cầu được tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này.

- Ông Huỳnh L, ông Huỳnh M và bà Hồ Thị L1: Vào năm 2011 ông L cùng với ông M bà L1 thỏa thuận với ông Nguyễn V nhận chuyển nhượng thửa đất ruộng tại Đồng Đế với giá là 48.000.000đồng. Khi sang nhượng chỉ viết giấy tay và ông V có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M giữ, nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng, đất này do cụ G đứng tên. Nay ông L, ông M, bà L1 yêu cầu tiếp tục được sử dụng đất này, chứ không có yêu cầu gì khác.

Theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0702783, tờ bản đồ số 1, thì thửa 129 có diện tích đất còn lại là $964m^2$ (chưa trừ diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà T1, ông V2). Còn theo diện tích thực tế được đo đạc tại sơ đồ bổ sung khu đất tranh chấp hệ tọa độ VN 2000, khu vực thôn 1, tờ bản đồ 62 (239 395-4-C) thì thửa 129 có diện tích $842,1m^2$ (chưa trừ diện tích $91,4m^2$ đã chuyển nhượng), chênh lệch thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: $121,9m^2$, nguyên nhân có sự chênh lệch là do đo đạc bằng thủ công tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo kết quả định giá tài sản ngày 05/5/2016 của Hội đồng định giá tài sản xác định: Thửa đất số 129, tờ bản đồ 1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D 0702783 (đã trừ diện tích đã chuyển nhượng $91,4m^2$ cho bà T1, ông V2), có giá trị 01m chiều ngang theo mặt đường ĐT 766 là $50.500.000đồng \times 10,5m = 530.250.000đồng$; 01 căn nhà cấp 4C, diện tích $72,61m^2$ có giá trị còn lại là $20.476.000đồng$.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 26/7/2017, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đưa vụ án ra xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/DS-ST, quyết định:

Áp dụng: Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 631, 632, 633, 634, 646, Khoản 1 Điều 647, Điều 648, Khoản 4 Điều 650, Điều 652, 653, Khoản 4 Điều 667, Điều 674, 675, Khoản 1 Điều 676, Khoản 2 Điều 685, Điều 733, 734 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H. Di sản của cụ G chia theo di chúc. Di sản của cụ P chia theo pháp luật.

2. Xác định những người được hưởng di sản do cụ P chết để lại gồm: Cụ Nguyễn G, bà Nguyễn T Đ, ông Nguyễn V, ông Nguyễn B, ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T.

3. Xác định:

- Tài sản của cụ G và cụ P chết để lại gồm:

+ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 1, diện tích thực tế còn lại 750,7m² (đã trừ 91,4m² đất đã chuyển nhượng nhưng chưa làm thủ tục), có chiều ngang theo mặt tiền đường ĐT 766 là 10,5m, Giấy chứng nhận quyền sử dụng số D 0702783, có giá là 50.500.000đồng/1m chiều ngang theo mặt tiền đường ĐT 766: 10,5m x 50.500.000đồng = 530.250.000đồng .

+ Căn nhà cấp 4C diện tích 72,61m² có giá 20.476.000đồng.

+ Thửa đất ruộng số 45, tờ bản đồ 02, diện tích 3.700m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 833801, có giá trị 48.000.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của cụ G, cụ P là: 598.726.000đồng.

- Tài sản cụ P chết để lại có giá trị là: 598.726.000đồng : 2 = 299.363.000đồng.

4. Phân chia di sản thừa kế:

- Những người thừa kế tài sản của cụ P gồm: Cụ Nguyễn G, bà Nguyễn T Đ, ông Nguyễn V, ông Nguyễn B, ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T, mỗi một người được hưởng di sản có giá trị là: 299.363.000đồng : 7 suất = 42.766.000đồng (đã làm tròn số).

- Tài sản của cụ G chết để lại có giá trị:

299.363.000đồng + 42.766.000đồng = 342.129.000đồng.

- Ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H được nhận di sản của cụ G có giá trị là: 342.129.000đồng.

5. Cách thức phân chia di sản:

- Chia cho ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H được quyền sử dụng diện tích đất vườn 431,8m², có chiều ngang theo mặt tiền đường ĐT 766 do Hội đồng định giá tài sản xác định là 7,1m (theo hình: M₁M₂M₃M₆ trừ phần đất đã chuyển nhượng cho ông V2 bà T1- phần gạch chéo) tại thửa đất số 129, tờ bản đồ 1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D 0702783, tọa lạc tại Thôn 1, xã NC,

huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận có giá trị là 358.550.000đồng; 01 căn nhà cấp 4C diện tích 72,61m² có giá trị 20.476.000đồng; 48.000.000đồng giá trị của thửa đất số 45, tờ bản đồ 02, diện tích 3.700m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 833801, tọa lạc tại khu vực Đồng Đế, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, hiện do ông V, bà H quản lý.

Tổng giá trị tài sản ông V và bà H được nhận là 427.026.000đồng (trong đó phần T sản chung ông V và bà H được thừa kế là 342.129.000đồng; phần ông V được thừa kế riêng là 42.766.000đồng).

Ông V và bà H phải có nghĩa vụ bồi trả cho bà Nguyễn T Đ số tiền là: 42.131.000đồng.

- Chia cho ông Nguyễn V1 quyền sử dụng đất 318,9m² (theo hình M₆ M₃M₄M₅), có chiều ngang theo mặt tiền đường ĐT 766 theo Hội đồng định giá xác định là 3,4m, tại thửa đất số 129, tờ bản đồ 1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D 0702783, tọa lạc tại Thôn 1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận có giá trị là 171.700.000đồng, hiện ông V, bà H đang quản lý. Khi giao đất cho ông V1, thì ông V, bà H phải tháo dỡ công trình phụ (nhà tạm diện tích 2,4m x 3,7m) do ông bà tự xây nằm trên phần đất giao cho ông V1.

Ông Nguyễn V1 có nghĩa vụ bồi trả cho: ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T mỗi người số tiền 42.766.000đồng; bồi trả cho bà Nguyễn T Đ số tiền 635.000đồng.

- Ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T mỗi người được nhận di sản thừa kế có giá trị 42.766.000đồng do ông Nguyễn V1 bồi trả.

- Bà Nguyễn T Đ được nhận di sản thừa kế có giá trị 42.766.000đồng (do ông V, bà H bồi trả 42.131.000đồng; do ông V1 bồi trả 635.000đồng).

- Ông Nguyễn V, bà Phạm Thị H, ông Nguyễn V1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển đổi tên người sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- + Ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H phải chịu 17.106.000đồng, án phí được trừ vào số tiền 6.875.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005971 ngày 23/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, ông V và bà H còn phải nộp 10.231.000đồng án phí.

- + Bà Nguyễn T Đ, ông Nguyễn V, ông Nguyễn B, ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T mỗi người phải chịu 2.138.000đồng án phí.

- Về chi phí đo đạc và định giá tài sản: Số tiền này ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H đã chi là 3.026.000đồng, do đó:

- Ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.945.000đồng.

- Bà Nguyễn T Đ, ông Nguyễn B, ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T mỗi người phải chịu 216.000đồng, để hoàn trả cho ông V, bà H.

Ngoài ra bản án còn tuyên quy định về lãi suất chậm trả, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2017, ông Nguyễn B, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị D kháng cáo yêu cầu hủy di chúc của cụ Nguyễn G và phân chia lại tài sản của cụ G cụ Nguyễn Thị P để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Nguyễn B bổ sung yêu cầu kháng cáo là hủy bản án sơ thẩm do di chúc của cụ G sai ở chỗ cụ P chết năm 2006 mà ghi chết năm 2004, đất đã bán cho ông T1, bà V2 91,4m² mà vẫn còn ghi trong di chúc;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội D: Kháng cáo của các bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn B, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị D; nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến.

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Huỳnh L, Huỳnh M và bà Hồ Thị L1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ G và cụ P chết để lại, đây là tranh chấp về thừa kế tài sản. Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là 30 năm đối với bất động sản. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện đúng hướng dẫn tại Điểm b Khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tài sản thừa kế, bị đơn có địa chỉ tại huyện Đức Linh thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận quy định tại Khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn về việc yêu cầu hủy di chúc của cụ G và chia di sản thừa kế của cụ G và cụ P theo pháp luật (Ông Nguyễn B bổ sung yêu cầu kháng cáo là hủy bản án sơ thẩm do di chúc của cụ G sai ở chỗ cụ P chết năm 2006 mà ghi chết năm 2004, đất đã bán cho ông T1, bà V2 91,4m² mà vẫn còn ghi trong di chúc), thấy rằng:

Trước khi cụ G chết để lại di chúc bằng văn bản và có chứng thực. Di chúc này được cán bộ tư pháp phụ trách công việc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã NC (Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998) lập tại nhà của cụ G vào ngày 10/9/2007 và trình cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã NC ký chứng thực cùng ngày 10/9/2007. Khi chứng thực không có mặt cụ G. Nhưng cán bộ tư pháp xã NC trực tiếp lập di chúc và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã NC- người đã chứng thực di chúc khẳng định: Khi cụ G lập di chúc đầu óc còn minh mẫn, cán bộ lập di chúc ghi nhận lại đúng ý nguyện của cụ G, đồng thời thủ tục lập di chúc đúng quy định tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 50 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.

Di chúc của cụ G để lại tài sản cho ông V và bà H phù hợp với đạo đức và đúng theo ý chí của cụ G, đúng quy định tại Điều 646 Bộ luật Dân sự năm 2005 “Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết”, đúng quy định tại Khoản 1 Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005, vì khi lập di chúc cụ G còn minh mẫn, không bị đe dọa, không bị lừa dối; nội dung di chúc phù hợp đạo đức xã hội và không trái pháp luật.

Các bị đơn kháng cáo cho rằng cụ G không ký tên vào di chúc ngày 10/9/2007 nhưng họ không có chứng cứ để chứng minh. Tại cấp phúc thẩm các bị đơn kháng cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đối với ý kiến của ông B bổ sung yêu cầu kháng cáo là hủy bản án sơ thẩm do di chúc của cụ G sai ở chỗ cụ P chết năm 2006 mà ghi chết năm 2004, đất đã bán cho ông T1, bà V2 91,4m² mà vẫn còn ghi trong di chúc. Nội dung này trong di chúc ngày 10/9/2007 của cụ G không đúng thực tế nhưng không làm thay đổi bản chất của di chúc.

[4] Về nội D: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm thu thập, được kiểm tra tại Tòa án cấp phúc thẩm thì đủ căn cứ theo pháp luật xác định về hàng thừa kế, những người được hưởng thừa kế như sau: Cụ Nguyễn Thị P chết 22/3/2006 không có di chúc, thời điểm mở thừa kế là ngày 22/3/2006, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của cụ P gồm: Cụ Nguyễn G (chồng cụ P), bà Nguyễn T Đ, ông Nguyễn V, ông Nguyễn B, ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T (con ruột của cụ P) và được hưởng phần bằng nhau, theo các Điều 631, 632, 633, 635 Bộ luật Dân sự. Đến năm 2007 Cụ G chết có di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của cụ G là 06 người con

chung với cụ P như đã nêu trên. Cha, mẹ của cụ G, cụ P đều đã chết trước cụ G và cụ P. Cụ G, cụ P không có con riêng, con nuôi nào khác.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ P, cụ G; phân chia di sản của cụ P, cụ G theo pháp luật và theo di chúc cho hàng thừa kế; chia giá trị di sản bằng tiền, chia di sản thừa kế bằng hiện vật, hoàn trả tiền theo phần thừa kế, giao tài sản, quyền sử dụng đất cho các thừa kế tài sản đúng pháp luật.

Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 07/2017/QĐ-SCBS ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, đã bổ sung: Khi giao đất cho ông V1, thì ông V, bà H phải tháo dỡ công trình phụ (*nhà tạm có diện tích 2,4m x 3,7m*) do ông bà tự xây nằm trên phần đất giao cho ông V1. Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung vào phần quyết định.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Nguyễn B, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D không được Tòa án chấp nhận nên các ông, bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn B, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/HNGĐ-ST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào: Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 631, 632, 633, 634, 646, Khoản 1 Điều 647, Điều 648, Khoản 4 Điều 650, Điều 652, Điều 653, Khoản 4 Điều 667, Điều 674, Điều 675, Khoản 1 Điều 676, Khoản 2 Điều 685, Điều 733, Điều 734 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H. Di sản của cụ G chia theo di chúc. Di sản của cụ P chia theo pháp luật.

2. Xác định những người được hưởng di sản do cụ P chết để lại gồm: Cụ Nguyễn G, bà Nguyễn T Đ, ông Nguyễn V, ông Nguyễn B, ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T.

3. Xác định:

- Tài sản của cụ G và cụ P chết để lại gồm:

+ Thừa đất số 129, tờ bản đồ số 1, diện tích thực tế còn lại 750,7m² (đã trừ 91,4m² đất đã chuyển nhượng nhưng chưa làm thủ tục), có chiều ngang theo mặt tiền đường ĐT 766 là 10,5m, Giấy chứng nhận quyền sử dụng số D 0702783, có giá là 50.500.000đồng/1m chiều ngang theo mặt tiền đường ĐT 766: 10,5m x 50.500.000đồng = 530.250.000đồng .

+ Căn nhà cấp 4C diện tích $72,61\text{m}^2$ có giá 20.476.000đồng.

+ Thửa đất ruộng số 45, tờ bản đồ 02, diện tích 3.700m^2 , Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 833801, có giá trị 48.000.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của cụ G, cụ P là: 598.726.000đồng.

- Tài sản cụ P chết để lại có giá trị là: $598.726.000\text{đồng} : 2 = 299.363.000\text{đồng}$.

4. Phân chia di sản thừa kế:

- Những người thừa kế tài sản của cụ P gồm: Cụ Nguyễn G, bà Nguyễn T Đ, ông Nguyễn V, ông Nguyễn B, ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T, mỗi một người được hưởng di sản có giá trị là: $299.363.000\text{đồng} : 7$ suất = 42.766.000đồng (đã làm tròn số).

- Tài sản của cụ G chết để lại có giá trị:

$299.363.000\text{đồng} + 42.766.000\text{đồng} = 342.129.000\text{đồng}$.

- Ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H được nhận di sản của cụ G có giá trị là: 342.129.000đồng.

5. Cách thức phân chia di sản:

- Chia cho ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H được quyền sử dụng diện tích đất vườn $431,8\text{m}^2$, có chiều ngang theo mặt tiền đường DT 766 do Hội đồng định giá tài sản xác định là 7,1m (theo hình: $M_1M_2M_3M_6$ trừ phần đất đã chuyển nhượng cho ông V2 bà T1- phần gạch chéo) tại thửa đất số 129, tờ bản đồ 1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D 0702783, tọa lạc tại Thôn 1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận có giá trị là 358.550.000đồng; 01 căn nhà cấp 4C diện tích $72,61\text{m}^2$ có giá trị 20.476.000đồng; 48.000.000đồng giá trị của thửa đất số 45, tờ bản đồ 02, diện tích 3.700m^2 , Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 833801, tọa lạc tại khu vực Đồng Đê, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, hiện do ông V, bà H quản lý.

Tổng giá trị tài sản ông V và bà H được nhận là 427.026.000đồng (trong đó phần tài sản chung ông V và bà H được thừa kế là 342.129.000đồng; phần ông V được thừa kế riêng là 42.766.000đồng).

Ông V và bà H phải có nghĩa vụ bồi trả cho bà Nguyễn T Đ số tiền là: 42.131.000đồng.

- Chia cho ông Nguyễn V1 quyền sử dụng đất $318,9\text{m}^2$ (theo hình $M_6M_3M_4M_5$), có chiều ngang theo mặt tiền đường DT 766 theo Hội đồng định giá xác định là 3,4m, tại thửa đất số 129, tờ bản đồ 1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D 0702783, tọa lạc tại Thôn 1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận có giá trị là 171.700.000đồng, hiện ông V, bà H đang quản lý. Khi giao đất cho ông V1, thì ông V, bà H phải tháo dỡ công trình phụ (nhà tạm có diện tích $2,4\text{m} \times 3,7\text{m}$) do ông bà tự xây nằm trên phần đất giao cho ông V1.

Ông Nguyễn V1 có nghĩa vụ bồi trả cho: ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T mỗi người số tiền 42.766.000đồng; bồi trả cho bà Nguyễn T Đ số tiền 635.000đồng.

- Ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T mỗi người được nhận di sản thừa kế có giá trị 42.766.000đồng do ông Nguyễn V1 bồi trả.

- Bà Nguyễn T Đ được nhận di sản thừa kế có giá trị 42.766.000đồng (do ông V, bà H bồi trả 42.131.000đồng; do ông V1 bồi trả 635.000đồng).

- Ông Nguyễn V, bà Phạm Thị H, ông Nguyễn V1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển đổi tên người sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- + Ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H phải chịu 17.106.000đồng án phí được trừ vào số tiền 6.875.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005971 ngày 23/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, ông V và bà H còn phải nộp 10.231.000đồng án phí.

- + Bà Nguyễn T Đ, ông Nguyễn V, ông Nguyễn B, ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T mỗi người phải chịu 2.138.000đồng án phí.

- Về chi phí đo đạc và định giá tài sản: Số tiền này ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H đã chi là 3.026.000đồng, do đó:

- Ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.945.000đồng.

- Bà Nguyễn T Đ, ông Nguyễn B, ông Nguyễn V1, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn T mỗi người phải chịu 216.000đồng, để hoàn trả cho ông V, bà H.

Kể từ ngày bà Được, ông B, bà D, ông T có đơn yêu cầu thi hành án, thì ông V và bà H, ông V1 phải chịu lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn B phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013228 ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018005 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Nguyễn T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018006 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/8/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS H. Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, DS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lương Thanh Chín